

Bản án số: 08/2025/DS-PT

Ngày: 08/01/2025

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm

Các Thẩm phán: Ông Vũ Viết Văn

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký Tòa

án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Đặng Thị Sơn
Cầm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 331/2024/TLPT-DS ngày 10/10/2024 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DSST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 513/2024/QĐ-PT ngày 18/11/2024; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 631/2024/QĐPT-HPT ngày 27/11/2024; theo Thông báo mở lại phiên tòa số 952/2024/TB-TA ngày 25/12/2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L; sinh năm: 1963; địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Tào Đức L1; sinh năm: 1976; địa chỉ tại: Thôn P, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đặng Ngọc C, sinh năm 1983; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh Đặng Chính S, sinh năm 1995; vắng mặt tại phiên tòa.

3.3. Chị Hoàng Thị Minh N, sinh năm 1994; vắng mặt tại phiên tòa.

3.4. Cháu Đặng Lê Quang A, sinh năm 2015; vắng mặt tại phiên tòa.

3.5. Cháu Đặng Lê Minh A1, sinh năm 2019; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Quang A, Minh A1: Anh Đặng Chính S, chị Hoàng Thị Minh N.

3.6. Ông Tào Hữu L2, sinh năm 1940; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Tào Đức L1 (theo biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2024); vắng mặt tại phiên tòa.

3.7. Bà Ngô Thị C1, sinh năm 1942; vắng mặt tại phiên tòa.

3.8. Chị Ngô Thị Q, sinh năm 1988; vắng mặt tại phiên tòa.

3.9. Cháu Tào Hữu Q1, sinh năm 2010; vắng mặt tại phiên tòa.

3.10. Cháu Tào Thị Phương A2, sinh năm 2012; vắng mặt tại phiên tòa.
Người đại diện theo pháp luật của cháu Q1, cháu Phương A2 là anh Tào Đức L1, chị Ngô Thị Q; vắng mặt tại phiên tòa.

3.11. Anh Tào Hữu T, sinh năm 1984; vắng mặt tại phiên tòa.
Người đại diện theo ủy quyền của anh Tào Hữu T: anh Tào Đức L1.

Cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội.

3.12. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1986; vắng mặt tại phiên tòa.

3.13. Cháu Tào Hữu T1, sinh ngày 26/12/2006; vắng mặt tại phiên tòa.

3.14. Cháu Tào Thị T2, sinh năm 2009; vắng mặt tại phiên tòa.

3.15. Cháu Tào Hữu D, sinh năm 2010; vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T1, cháu T2, cháu D: anh Tào Hữu T, chị Ngô Thị H; vắng mặt tại phiên tòa.

Cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội.

3.16. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Mạc Đình Đ - Chủ tịch UBND.

4. Người kháng cáo, kháng nghị: Do có kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất tại thôn P, xã T của gia đình bà có nguồn gốc từ ông cha để lại từ xưa. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, diện tích là 783m² do UBND huyện C cấp cho hộ ông Đặng Đình N1 (chồng bà L) vào năm 2001. Năm 2010, ông N1 chết. Đến năm 2011 làm thủ tục khai nhận thừa kế thửa đất được sang tên cho bà Bùi Thị L.

Về phần mốc giới tranh chấp:

Năm 2020, anh L1 phá đoạn tường bao xây năm 2000 để xây nhà cấp bốn và nhà 3 tầng. Khi xây anh L1 không hỏi ý kiến gia đình bà.

Theo bà L thì đất nhà bà L sát tường nhà cấp bốn và nhà 3 tầng của anh L1 (ô văng cửa sổ nhà anh L1 lấn sang đất nhà bà, giọt ranh nhà cấp bốn của anh L1 cũng lấn sang đất bà L).

Về phần đường đi giữa thửa đất nhà bà L và anh L1 thể hiện trên GCNQSDĐ của bà L: Trước đây không có cổng hay đường, ngõ gì ở giữa hai thửa đất.

Bà L xác định vị trí tranh chấp từ viên gạch ngang đến sát tường nhà cấp bốn kéo dọc hết đất nhà bà L đến giáp ngõ nhà ông K (đến hết nhà cấp bốn của bà L và hết nhà 3 tầng của anh L1), giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 2 trên sơ đồ. Trên phần đất tranh chấp không có tài sản gì.

Sau khi có kết quả đo đạc hiện trạng ngày 25/10/2023, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện và đề nghị giải quyết theo GCNQSDĐ cấp cho bà và đề nghị anh L1 phải trả lại cho bà phần đất lấn chiếm là 2,7m² (được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 2 với chiều dài các cạnh là 0,38m; 10,94m; 0,11m; 10,95m).

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Tào Đức L1 trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 171 và 172, tờ bản đồ số 5 tại thôn P, xã T của gia đình anh L1 và gia đình bà L: Từ trước không có ngõ đi giữa thửa đất nhà bà L và thửa đất nhà anh. Phần ranh giới giữa nhà bà L và nhà anh có cây duối nhưng ông N1 (chồng bà L) đã chặt từ khi xây nhà mà không nói gì với gia đình anh.

Về phần tường bao giữa hai nhà: Gia đình anh xây dựng tường bao từ xưa, xây dựng từ trước năm 2000 dài khoảng 3m từ viên gạch đặt ngang đến đầu hè nhà bà L. Đến năm 2020, gia đình anh xây nhà ba gian nên đã đập phần tường ranh giới đó đi, móng vẫn còn nguyên. Phần tường đập đi là để giọt ranh nên anh không xây vào phần đó.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L, anh khẳng định gia đình anh không lấn chiếm sang phần đất của nhà bà L. Anh L1 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật và theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ bà Ngô Thị Cẩm .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

* Anh Tào Đức T3 trình bày: Ranh giới giữa nhà anh và nhà bà Bùi Thị L trước đây là tường xây gạch đỏ do bố mẹ anh xây khoảng năm 1993. Đến năm 2020 anh L1 phá nhà cũ xây nhà mới thì phá tường bao xây theo hiện trạng ranh giới trước đây giữa hai nhà. Sau khi xây xong bà L có đơn ra Ủy ban xã về việc gia đình anh lấn đất nhà bà L. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà C1.

* Ông Tào Hữu L2 và bà Ngô Thị C1 trình bày: T4 ranh giới giữa nhà bà L và nhà gia đình ông bà do ông L2 xây từ năm 1993, xây tường từ đốc nhà anh T3 đến công nhà ông Tư K, hiện vẫn còn móng tường. Nay bà L khởi kiện anh L1, ông L2 - bà C1 đề nghị Tòa án giải quyết theo GCNQSDĐ đã cấp cho hộ bà C1. Theo GCNQSDĐ cấp cho bà L thể hiện phía Đông có đường đi nhưng thực tế không có đường đi nào giữa nhà ông bà và nhà bà L. Do tuổi cao nên ông L2 xin vắng mặt tại các buổi làm việc và xét xử.

* Anh Đặng Ngọc C, anh Đặng Chính S, chị Hoàng Thị Minh N trình bày: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật và căn cứ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L.

* Đại diện theo ủy quyền của UBND xã T trình bày: Sau khi tiếp nhận đơn của bà L, UBND xã T đã tiến hành hòa giải tại cơ sở nhưng không hòa giải thành. Nay bà L khởi kiện tại Tòa án thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về đường đi thể hiện trên GCNQSDĐ của bà L: Theo Sơ đồ giải thửa và từ trước không hề tồn tại đường đi giữa thửa đất nhà bà L và thửa đất nhà bà C1. Thực tế, từ trước tới nay cũng không tồn tại đường đi. Quá trình cấp GCNQSDĐ và ký giáp ranh, khi tiến hành đo đạc không được chính xác nên dẫn đến việc cấp Giấy chứng nhận không chính xác. Căn cứ nguồn gốc sơ đồ và hiện trạng thửa đất, có sự nhầm lẫn khi cấp GCNQSDĐ cho bà L.

Tại Bản án sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, xử:

* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với anh Tào Đức L1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Nguyên đơn bà Bùi Thị L trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bà L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm buộc anh L1 phải trả lại phần đất lấn chiếm là 2,7m² (được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 4, 5, 2 với chiều dài các cạnh là 0,38m; 10,94m; 0,11m; 10,95m).

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DSST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất tại thôn P, xã T, huyện C, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào nội dung đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời khai tại phiên tòa, bà L đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh L1 trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 2,7m². Do đó xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp quyền sử dụng đất.

Về áp dụng luật nội dung: Áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật đất đai năm 2013 để giải quyết tranh chấp.

Về việc vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đặng Ngọc C, anh Đặng Chính S, chị Ngô Thị H đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự này.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm theo đề nghị của đương sự ngày 20/12/2024, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất có tranh chấp.

[2]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L nộp trong hạn

luật định, được miễn dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị L.

Về nguồn gốc các thửa đất có tranh chấp:

Nguồn gốc đất bà L là đất của ông cha để lại. Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N1 (chồng bà L). Sau khi ông N1 chết thì được sang tên cho bà L.

Nguồn gốc đất của hộ anh L1 là của ông cha để lại. Thửa đất đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 459566 ngày 30/12/2001 cho hộ bà C1 (mẹ anh L1).

Theo kết quả thu thập hồ sơ địa chính lưu tại UBND xã T thể hiện: Tại bản đồ 299 lập năm 1989 (chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) thể hiện: thửa đất số 171, diện tích 726m²; thửa đất số 172, diện tích 874m²; giữa thửa đất số 171 và 172 không có ngõ đi. Sổ địa chính thể hiện: thửa đất số 171, tờ bản đồ số 5, chủ sử dụng: Bùi Thị L, diện tích 200m² đất ở và 583m² đất vườn; thửa đất số 172, tờ bản đồ số 5, chủ sử dụng: Ngô Thị C1, diện tích 200m² đất ở và 635m² đất vườn.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng các thửa đất đang tranh chấp của cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm cho thấy:

- Đo đạc hiện trạng sử dụng thửa đất số 171 của bà L diện tích 782m², so với bản đồ 299 tăng 56m², so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giảm 1m².

- Đo đạc hiện trạng sử dụng thửa đất số 172 của gia đình anh L1 diện tích 834,5m², so với bản đồ 299 giảm 39,5m², so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giảm 0,5m².

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà L có yêu cầu buộc anh L1 trả lại phần diện tích đất bị lấn chiếm là 2,7m² cho bà L. Theo bà L thì anh L1 đã lấn sang đất nhà bà có vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp ngõ đi dài 0,11m.
- Phía Nam giáp đất gia đình anh L1 đang sử dụng dài 0,38m (tính mốc là viên gạch ngang mà anh L1 đặt từ trước khi xây tường bao).
- Phía Đông giáp nhà cấp 4 và nhà 3 tầng của gia đình anh L1 dài 10,95m.
- Phía Tây giáp nhà cấp 4 của gia đình bà L và sân gạch của bà L dài 10,94m.

Tổng diện tích 2,7m².

Đối với yêu cầu của bà L, Tòa án cấp sơ thẩm có nhận định

“...Xem xét nguồn gốc, hồ sơ địa chính, quá trình sử dụng đất của hộ bà L và hộ anh L1 thì thấy: Nguồn gốc đất của gia đình bà L và anh L1 đều là của ông cha để lại. Quá trình sử dụng đất cả hai gia đình đều đã được cấp GCNQSDĐ. Qua đo đạc hiện trạng sử dụng đất thì có sự chênh lệch diện tích so với GCNQSDĐ đã cấp, cụ thể: thửa đất của bà L giảm so với GCNQSDĐ 1m², thửa đất của gia đình anh L1 giảm so với GCNQSDĐ 0,5m², sự chênh lệch này là không đáng kể và trong phạm vi sai số cho phép.

Tuy nhiên, trong GCNQSDĐ cấp cho bà L lại thể hiện tại vị trí phía Đông của thửa đất giáp đường đi. UBND xã T đã có văn bản trả lời như sau: Theo Bản đồ 299 thì giữa thửa đất của bà L và thửa đất gia đình anh L1 không

có đường đi; quá trình sử dụng đất từ trước đến nay giữa hai thửa đất trên cũng không có đường đi. Anh L1, bà L và những người làm chứng cũng đều xác nhận giữa hai thửa đất từ trước đến nay không có đường, ngõ đi. Như vậy, có cơ sở xác định đường đi thể hiện trong GCNQSDĐ số BG 519584 do UBND huyện C cấp cho bà L ngày 05/7/2011 là không đúng.

Về ranh giới giữa thửa đất của bà L với thửa đất gia đình anh L1. Anh L1 trình bày ranh giới giữa hai thửa đất trước đây là cây đuối nhưng ông N1 đã chặt từ khi xây nhà mà không nói gì với gia đình anh L1. Khoảng trước năm 2000, gia đình anh L1 xây dựng tường bao giữa hai thửa đất, tường bao dài khoảng 3m đến đầu hè nhà bà L. Đến năm 2020, gia đình anh L1 xây nhà ba gian nên đã đập phần tường ranh giới đó đi nhưng hiện móng vẫn còn nguyên. Lời khai của anh L1 và những người liên quan hoàn toàn trùng khớp với hiện trạng thửa đất về ranh giới và quá trình sử dụng của cả hai gia đình. Do đó đề nghị của anh L1 là giải quyết theo GCNQSDĐ là có căn cứ cần chấp nhận.

Bà L cho rằng trước đây ranh giới giữa hai nhà có hàng cây gồm cây đuối và một số cây khác. Khoảng năm 1993, gia đình anh L1 đã xây tường bao từ phía giáp đất nhà ông H1 đến viên gạch qua vườn hiện nay của bà L. Năm 2000, gia đình anh L1 đặt một viên gạch ngang (hiện là cạnh sân gạch bà L). Khi đó gia đình bà L không có nhà và anh L1 xây tiếp đoạn tường bao cao khoảng 1m (từ viên gạch ngang đến đầu nhà cấp bốn của bà L). Năm 2020, anh L1 phá đoạn tường bao xây, xây nhà cấp bốn và nhà 3 tầng. Khi xây anh L1 không hỏi ý kiến gia đình bà.

Trên cơ sở lời khai của bà L và anh L1 thì ranh giới giữa hai thửa đất là cây đuối, tuy nhiên hiện nay cây đuối không còn. Đối với tường bao do gia đình anh L1 xây khoảng trước năm 2000 thì bà L cho rằng khi gia đình anh L1 xây thì gia đình bà đi vắng nên không biết. Tuy nhiên, sau đó gia đình bà L không có ý kiến gì đối với tường bao gia đình anh L1 đã xây và bức tường bao vẫn tồn tại đến năm 2020 khi gia đình anh L1 làm nhà thì mới đập tường bao, hiện chân tường bao vẫn còn. Lời khai của những người làm chứng cũng đều xác nhận ranh giới giữa thửa đất của bà L và thửa đất của gia đình anh L1 chính là tường bao do gia đình anh L1 xây và hiện chân tường bao vẫn còn. Như vậy, có cơ sở xác định ranh giới giữa thửa đất của bà L và thửa đất của gia đình anh L1 chính là tường bao xây dựng từ trước năm 2000, hiện tại chỉ còn chân tường bao và 01 viên gạch ngang làm mốc tại vị trí đầu sân gạch của bà L.

Theo bà L thì đất nhà bà L sát tường nhà cấp bốn và nhà 3 tầng của gia đình anh L1 (ô văng cửa sổ của nhà anh L1 lấn sang đất nhà bà, giọt ranh nhà cấp bốn của anh L1 cũng lấn sang đất bà L). Tuy nhiên, xem xét hiện trạng nhà và đất thì thấy nhà cấp 4 của gia đình anh L1 còn cách sân của bà L 0,38m, nhà 3 tầng của anh L1 cách nhà cấp 4 của bà L 0,11m. Vị trí chân tường bao xây dựng trước năm 2000 có vị trí sát sân gạch của bà L, cách nhà cấp 4 của gia đình anh L1 là 0,38m, cách nhà 3 tầng của anh L1 là 0,11m. Như vậy theo ranh giới cũ của hai thửa đất là chân tường bao xây trước năm 2000 thì gia đình anh L1 xây nhà cấp 4 và nhà 3 tầng không lấn sang đất của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh mốc giới quyền sử dụng đất giữa hai thửa đất cũng như việc anh L1 lấn chiếm đất của bà L.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện chứng cứ, thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu anh L1 trả lại 2,7m² đất...” để không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4]. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Hoàn trả bà L tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị L được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 166, Điều 203 Luật đất đai 2013;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 97/2024/DS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hà Nội và quyết định cụ thể như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L đối với anh Tào Đức L1 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà L số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0076892 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Như Lâm